

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HSST
Ngày 21/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Toàn Thắng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lại Văn Cán và ông Đoàn Minh Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu' xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 109/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 09/9/1999, giới tính: Nam. Nơi cư trú: thôn T, xã D, huyện V, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ học vấn: 12/12. Họ và tên cha: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1978. Họ và tên mẹ: Lê Thị S, sinh năm 1979. Điều cư trú: xã D, huyện V, tỉnh T. Vợ: Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 2002, trú cùng địa chỉ. Con: có 01 con sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 6417 ngày 27/8/2016 của Công an huyện V xử phạt 1.250.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, T nộp phạt xong ngày 10/4/2017. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2024. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1951, trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (Đã chết)

* Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Phạm Văn D, sinh năm 1948, trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (vắng mặt).

2. Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1978, trú tại số nhà 69, tổ 40, khu 11,

phường Q, thành phố U, tỉnh Q (vắng mặt).

3. Anh Phạm Đình C, sinh năm 1973, trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (vắng mặt).

4. Chị Phạm Thị Hương Q, sinh năm 1987, trú tại ngõ 195, đường N, tổ 5, phường P, thành phố T, tỉnh T (vắng mặt).

(Điều ủy quyền cho ông Phạm Xuân L, sinh năm 1960. Trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T).

* Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1960. Trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (có mặt).

* Người làm chứng:

- Anh Phạm Mạnh T, sinh năm 1990. Trú tại: thôn Phạm Xuân L, sinh năm 1960. Trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (có mặt).

- Chị Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 2002. Trú tại: thôn T, xã D, huyện V, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe mô tô hạng A1, số 340209002288 do Sở giao thông vận tải tỉnh T cấp ngày 12/5/2020. Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 21/7/2024 Tính điều khiển xe mô tô biển số 17B2-679.23 chở chị Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 2002 (là vợ) và cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2021 (là con) đi trên đường 463 hướng từ Ủy ban nhân dân xã D chùa K. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày T điều khiển xe mô tô đi trên đường 463 thuộc địa phận thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T thì xảy ra va chạm với xe đạp của bà Phạm Thị Th, sinh năm 1951 trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T đang điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước. Đoạn đường xảy ra tai nạn được trải đá nhựa bằng phẳng, thẳng rộng 8,0 mét được chia làm hai phần đường băng nhau bằng vạch sơn đứt quãng rộng 0,15 mét. Tiếp giáp mép đường bên phải theo chiều Ủy ban nhân dân xã D đi chùa K là lề đất cỏ mọc, tiếp giáp phần lề đất cỏ mọc là mương nước và có nơi giao nhau với cầu đi vào bên đồ Đ rộng 8,4 mét. Tiếp giáp với mép đường bên trái là phần lề đất cỏ mọc. Trước khi xảy ra tai nạn T điều khiển xe mô tô biển số 17B2-679.23 đi với tốc độ khoảng 25-30km/giờ và đi ở giữa phần đường bên phải theo chiều đi. Bà Th điều khiển xe đạp đi cùng chiều phía trước với T, ở khu vực giữa làn đường bên phải theo chiều đi của T. Khi phát hiện thấy bà Th đi phía trước thì xe của T cách xe bà Th khoảng 60-70 mét. T điều khiển xe đi sát vạch kẻ giữa đường và giữ nguyên tốc độ để vượt xe của bà Th, khi vượt xe T

không bấm còi để xin vượt. Khi xe đạp bà Th đi gần đến điểm va chạm khoảng 4,1 mét, thì xe đạp bà Th điều khiển cách tim đường khoảng 1,3 mét; xe mô tô T điều khiển cách tim đường khoảng 0,8 mét và cách bà Th khoảng 5,5 mét. Bà Th và T tiếp tục cho xe đi thẳng. Khi xe mô tô của T còn cách bà Th khoảng 3 đến 4 mét thì bà Th chuyển hướng xe đạp sang trái. T bóp phanh xe để giảm tốc độ nhưng do khoảng cách gần nên đã xảy ra tai nạn với bà Th. Phần mặt lăn, phần tiếp giáp giữa mặt lăn và má lốp bên phải bánh trước, mặt bên phải vành bánh trước của xe mô tô va chạm với mặt ngoài đầu phía trong đuôi đạp bên trái xe đạp tạo vết trượt xước kim loại và bám dính tạp chất màu đen trên đuôi đạp. Phần cạnh dưới, mặt ngoài bên phải đầu trước chắn bùn bánh trước, mặt trước, mặt ngoài đầu phía dưới ống giảm sóc bên phải bánh trước của xe mô tô va chạm vào mặt trên, mặt ngoài bên trái khung kim loại phía trên giữa thân xe, mặt ngoài bên trái khung kim loại phía dưới thân xe đạp tạo dấu vết trượt miết bề mặt, xước sơn, bám dính tạp chất màu xanh tại khung kim loại phía trên giữa thân xe và cong vắn khung xe bên dưới, vành bánh trước của xe đạp bị cong vắn biến dạng nhẹ, các nan hoa bị đẩy cong trùng dứt gãy mất một phần. Mặt ngoài cánh yếm bên phải của xe mô tô va chạm vào mặt ngoài cạnh bên phải giỏ để hàng phía trước xe đạp. Xe của T không bị đổ, người trên xe không bị ngã, không bị thương tích. Xe đạp của bà Th bị đổ nghiêng phải, mặt ngoài cạnh bên phải giỏ để hàng trước, đầu ngoài tay phanh, tay nắm lái bên phải, cạnh ngoài bàn đạp, mặt bên phải yên xe, mặt ngoài bên phải khung kim loại giá để hàng sau va chạm xuống mặt đường tạo vết trượt xước sơn nhựa, cao su, kim loại và bám dính bột đá đất cát trên xe đạp. Bà Th ngã xuống đường, phần đầu bà Th va chạm xuống mặt đường, xe đạp đổ đè lên người bà Th. Bà Th được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh T, do nguy cơ tử vong nên gia đình đưa bà Th về nhà. Đến 16 giờ 40 phút ngày 25/7/2024 bà Th chết tại gia đình.

- Bản kết luận giám định tử thi số 1171/KLGĐTT-KTHS ngày 15/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: nạn nhân Phạm Thị Th chết do chấn thương sọ não (bút lục số 37 đến 38);

Cáo trạng số 06/CT-VKSVT ngày 19/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V,

tỉnh T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm. Giao bị cáo cho UBND xã D giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành thời gian thử thách của án treo. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng và tài sản: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, mang tên Nguyễn Văn T.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bà Phạm Thị Th số tiền 100.000.000 đồng (gồm: tiền cấp cứu, điều trị và mai táng phí 30.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng). Gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo các quyền của bị cáo và những người tham gia tố tụng, đảm bảo sự khách quan, không ép cung, không dùng nhục hình. Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đều đúng mẫu văn bản tố tụng, đúng nội dung theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

[2] Về căn cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu phù hợp với lời khai

của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như:

- Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm (bút lục số 01).
- Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh hiện trường (bút lục số 13 đến 18)
- Kết quả thực nghiệm điều tra (bút lục số 19 đến 26)
- Kết quả khám nghiệm phương tiện và bản ảnh phương tiện (bút lục số 50 đến 68)
- Kết quả khám nghiệm tử thi và bản ảnh tử thi (bút lục số 34 đến 47)
- Kết luận giám định tử thi số 1171/KLGĐTT-KTHS ngày 15/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: nạn nhân Phạm Thị Th chết do chấn thương sọ não (bút lục số 37 đến 38)
- Quyết định, biên bản tạm giữ đồ vật tài sản (bút lục số 28 đến 30).
- Kết luận giám định số 1372/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận về dấu vết va chạm giữa hai phương tiện (bút lục số 72).
- Biên bản ghi lời khai của Anh Phạm Mạnh T, sinh năm 1990, trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T; chị Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã D, huyện V, tỉnh T (bút lục số 193 đến 202).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 21/7/2024, tại khu vực đường 463 khu vực thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T, Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe mô tô hợp lệ, điều khiển xe mô tô biển số 17B2-679.23 đi theo hướng từ xã D đi chùa K. Khi phát hiện xe đạp do bà Phạm Thị Th đang điều khiển đi cùng chiều phía trước đang đi ở khu vực giữa đường (cách tim đường khoảng 1,3 mét), T không bấm còi để báo hiệu xin vượt, bà Th chưa tránh về bên phải theo chiều đi, T điều khiển xe ra khu vực giữa đường để vượt xe bà Th gây tai nạn. Hậu quả: bà Th chết do chấn thương sọ não.

[3] Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ. Nguyên nhân phạm tội là do khi phát hiện xe đạp do bà Phạm Thị Th đang điều khiển đi cùng chiều phía trước đang đi ở khu vực giữa đường (cách tim đường khoảng 1,3 mét), T không bấm còi để báo hiệu xin vượt, bà Th chưa tránh về bên phải theo chiều đi, T điều khiển xe ra khu vực giữa đường để vượt xe bà Th gây tai nạn. Trong vụ án này bị hại có một phần lỗi chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn vi phạm Điều 15 Luật giao thông đường bộ.

Do đó, hành vi nêu trên của bị can Nguyễn Văn T đã vi phạm khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Luật giao thông đường bộ, gây tai nạn, hậu quả làm chết người. Vì vậy, Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

"Điều 14. Luật giao thông đường bộ, Vượt xe

1. Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi; trong đô thị và khu đông dân cư từ 22 giờ đến 5 giờ chỉ được báo hiệu xin vượt bằng đèn.

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải.

..."

Điều 260. Bộ luật Hình sự, Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định, có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác;

.....

g) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

...

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. ”

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong vụ án này bị hại có một phần lỗi chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn vi phạm Điều 15 Luật giao thông đường bộ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự còn quy định áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

[6] Về vật chứng, tài sản: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện quản lý các tài sản, đồ vật: 01 xe mô tô biển số 17B2-679.23 qua điều tra xác định chủ sở hữu là chị Nguyễn Quỳnh P, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã D, huyện V, tỉnh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại xe mô tô trên cho chị P, chị P không yêu cầu bồi thường do xe bị xây xước nhẹ. Đối với xe đạp của bà Phạm Thị Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại xe đạp cho ông Phạm Xuân L, sinh năm 1960, trú tại thôn M, xã D, huyện V, tỉnh T (đại diện gia đình bà Phạm Thị Th), đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại xe đạp. Vì vậy không đặt ra giải quyết.

Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, mang tên Nguyễn Văn T cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bà Phạm Thị Th số tiền 100.000.000 đồng (gồm: tiền cấp cứu, điều trị và mai táng phí 30.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 70.000.000 đồng). Gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng (Một năm ba tháng) tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật này.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, mang tên Nguyễn Văn T.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện V, tỉnh T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện V;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Tòa án tỉnh T
- Sở Tư pháp tỉnh T
- UBND xã D, huyện V, tỉnh T;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người đại diện theo ủy quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Toàn Thắng

